

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/DS-ST

Ngày: 28-8-2017

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tim.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phảiú.

2. Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phảiước - Thư ký Toà án nhân dân huyện Di Linh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Di Linh: Bà My La - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số 124/2016/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXX-DS ngày 20/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K; sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 41A đường Nguyễn Văn C, phường LS, Tp Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Nguyễn Tuấn H, địa chỉ Số 57D đường HBT, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Là đại diện theo ủy quyền của ông K theo văn bản ủy quyền lập ngày 01/3/2016. Ông H có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông PhảiamXuân C và bà Nguyễn Thị Kim H.

Địa chỉ: Số 191, Thôn Phải 3, xã GH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông C và H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời Ki và tại phiên tòa hôm nay, ông H thay mặt ông K trình bày : Do quen biết từ trước nên ông K với tư cách cá nhân mình có thỏa thuận về việc mua bán máy lọc nước dùng trong sinh hoạt gia đình với vợ chồng ông C

bà H, theo hình thức ông K giao máy lọc nước trước cho ông C bà H bán cho khách hàng, sau khi ông C bà H nhận tiền của khách thì mới thanh toán lại cho ông K và được hưởng phải lãi trăm chiết khấu trên từng sản phẩm bán ra. Ngày 10/4/2015 hai bên đối chiếu sổ sách thì lúc này vợ chồng ông C bà H có ký giấy xác nhận còn nợ ông K số tiền mua hàng nhưng chưa thanh toán là 53.000.000đ và hứa mỗi tháng sẽ trả 5.000.000đ, bắt đầu thanh toán từ tháng 7/2015 cho đến khi hết nợ. Ngày 21/7/2015 vợ chồng ông C bà H có trả được cho ông K 5.000.000đ như cam kết. Tuy nhiên từ tháng 7/2015 đến nay thì vợ chồng ông C bà H không đồng ý thanh toán, dù năm nào ông K cũng đến đòi tiền. Nay ông K yêu cầu vợ chồng ông C bà H trả số tiền nợ gốc là 48.000.000đ và số tiền lãi theo mức 0,75%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày 21/7/2015 đến ngày 21/7/2017 làm tròn là 24 tháng, thành tiền là 8.640.000đ, Tổng gốc và lãi yêu cầu thanh toán là 56.640.000đ. Thay mặt ông K, ông H cam kết, tại thời điểm mua bán với vợ chồng ông C bà H thì ông K là giám đốc công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn K, có địa chỉ tại số 41A Nguyễn Văn Cừ, Phường LS, Tp Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên khi mua bán với vợ chồng ông C bà H thì ông K bán hàng với tư cách cá nhân ông chứ không phải tư cách công ty.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là giấy ghi nợ ngày 10/4/2015.

Về phải vợ chồng ông C bà H, Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo tiếp cận chứng cứ, hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ. Tuy nhiên vợ chồng ông C bà H không đến Tòa làm việc, do đó Tòa án không ghi được lời Ki của ông C bà H. Ngày 09/01/2017, Tòa án có nhận được đơn trình bày của ông C. Theo nội dung đơn này ông trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả nợ dần, đồng thời ông đề nghị Tòa án dời ngày làm việc với ông qua một thời gian khác vì thời điểm tòa án triệu tập ông đã gần đến tết nguyên đán năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Di Linh phải biểu ý kiến :

Về tố tụng : Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp sơ thẩm.

Về nội dung vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phải án phải.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phải tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phải tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Thay mặt ông K, ông H trình bày khi mua bán với vợ chồng ông C bà H thì ông K bán hàng với tư cách cá nhân ông chứ không phải tư cách công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn K. Căn cứ các Điều 26, 35 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án xác định quan hệ

tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và Tòa án Di Linh có thẩm quyền giải quyết là phảiù hợp.

Sau khi trả nợ lần thứ nhất vào ngày 21/7/2015, ông K thường xuyên đến nhà ông C đòi tiền, nhưng ông C bà H cứ hứa dần, không thanh toán. Căn cứ Điều 157 của Bộ luật dân sự năm 2017, thì xem như các bên đã tự xác lập lại thời hiệu khởi kiện, do đó việc ông K khởi kiện là còn trong thời hiệu.

Việc vợ chồng ông C bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên vợ chồng ông C bà H không đến Tòa làm việc, không đến tham gia phảiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án : Căn cứ theo lời trình bày của ông H là người đại diện theo ủy quyền của ông K, đơn trình bày của ông C và giấy nhận nợ ghi ngày 10/4/2015, thì giữa ông K và vợ chồng ông C bà H có việc thỏa thuận mua bán máy lọc nước nhưng chưa thanh toán. Vợ chồng ông C bà H không đến Tòa làm việc là tự mình tước bỏ quyền được trình bày của mình. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cần xác định việc vợ chồng ông C bà H còn nợ số tiền 48.000.000đ mua hàng nhưng chưa thanh toán cho ông K là có thật.

Ngoài yêu cầu trả tiền mua hàng thì nguyên đơn còn yêu cầu vợ chồng ông C bà H trả lãi theo mức 0,75% thời gian tính lãi từ ngày 21/7/2015 đến ngày 21/7/2017 làm tròn là 24 tháng, thành tiền là 8.640.000đ. Căn cứ khoản 2 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2017 thì mức lãi suất ông K yêu cầu không vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định của phảiáp luật nên cần chấp nhận yêu cầu trả lãi này là phảiù hợp.

Với những phảiân tích nêu trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phảiù hợp với sự thật khách quan của vụ án.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ Pháp lệnh về lệ phí án phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/22016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Cần buộc vợ chồng ông C bà H chịu án phí trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho ông K. Trả lại cho ông K toàn bộ số tiền đã tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 428; Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 157 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2017; Pháp lệnh về lệ phí, án phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K. Buộc vợ chồng ông Phảiiam Xuân C và bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền nợ gốc là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) và khoản tiền lãi phải trả sinh 8.640.000đ (Tám triệu sáu trăm bốn chục ngàn đồng). Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 56.640.000đ (Năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn chục ngàn đồng).

2. Về án phí: Vợ chồng ông Phảiiam Xuân C và bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 2.832.000đ (Hai triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền 1.323.000đ (Một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004208 ngày 19/12/2016 của chi cục thi hành án huyện Di Linh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công Ki tại UBND xã phường, thị trấn nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán án - Chủ tọa phiên tòa

K'Tìm